TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2019/DS – ST
Ngày: 14-11-2019
V/v Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

2. Bà Nguyễn Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nm – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị V, sinh năm 1963; Địa chỉ: đường V, khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị N, sinh năm: 1973; Hộ khẩu thường trú: đường T, khu phố 6, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Ông M có mặt, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị V trình bày:

Ngày 26/4/2011, vợ chồng ông M, bà N vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) của bà V, hẹn đến ngày 28/8/2011 sẽ trả; đến ngày 16/6/2011, tiếp tục vay thêm số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Tài sản bảo đảm nợ vay

là bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 325511 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 15/12/2007, cập nhật sang tên ông M, bà N ngày 24/3/2008.

Khi vay hai bên có lập giấy tay xác nhận khoản nợ trên và thỏa thuận lãi suất 1%/tháng nhưng không ghi vào biên bản. Hết thời gian thỏa thuận, bà N, ông M không trả cho bà V số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận dù bà V đã nhiều lần yêu cầu.

Ny bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn M, bà Phạm Thị N trả số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất do ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày vay đến nay là 350.000.000 đồng. Tổng cộng là 850.000.000 đồng.

Bà V xác định khoản tiền này là tiền cá nhân của bà, không sử dụng chung trong gia đình nên không liên quan đến ông Đào Đức L – chồng bà. Bà đề nghị Tòa án không xác định ông L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông M thừa nhận nội dung vụ án đúng như bà V trình bày và hiện nay vợ chồng ông còn nợ bà V chưa thanh toán. Ông đồng ý thay bà N trả cho bà V số tiền tổng cộng là 850.000.000 đồng. Trường hợp ông không trả được nợ, trong quá trình thi hành án, ông đồng ý giao cho bà V diện tích đất 3.143,5m^2 thửa 559 tờ bản đồ 46 xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 325511 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 15/12/2007, cập nhật sang tên ông M, bà N ngày 24/3/2008 để cấn trừ nợ.

Hiện nay, ông M và bà N đã ly hôn theo Quyết định số 07/2014/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa. Sau khi ly hôn, bà N vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại số đường T, khu phố 6, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và ông đề nghị Tòa án khi triệu tập bà N thì gửi cho ông, ông cam kết sẽ giao lại cho bà N.

- Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị N đã được Tòa án tống đạt, niêm yết, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị đơn ông M đồng ý trả nợ thay bà N.

- Nguyên đơn bà V chấp nhận đề nghị của ông M, yêu cầu ông M phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 850.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến thu thập chứng cứ và hòa giải. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt do đó Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào chứng cứ do bà V cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà V, buộc ông M phải trả số tiền tổng cộng là

850.000.000 đồng (trong đó gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất do ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày vay đến Ny là 350.000.000 đồng).

Về án phí: đề nghị bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Các đương sự hiện cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Kết quả xác minh tại Công an phường Phước Nguyên thể hiện: Bị đơn bà Phạm Thị N vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại 233 Trần Hưng Đạo, khu phố 6, phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ vay:

Việc ông M, bà N vay tiền của bà V là có thật. Ngày 26/4/2011, vợ chồng ông M, bà N vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) của bà V, hẹn đến ngày 28/8/2011 sẽ trả; đến ngày 16/6/2011, tiếp tục vay thêm số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Các bên thỏa thuận, tài sản bảo đảm nợ vay là bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 325511 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 15/12/2007, cập nhật sang tên ông M, bà N ngày 24/3/2008. Sau khi ký hợp đồng ông M, bà N giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà V giữ. Khi đến hạn thanh toán ông M, bà N không thanh toán số nợ gốc và lãi cho bà V nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên. Căn cứ vào chứng cứ do bà V cung cấp và việc thừa nhận của ông M, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định ông M, bà N đã vay của bà V tổng cộng 500.000.000 đồng và ông M, bà N chưa trả được gốc và lãi cho bà V từ khi cho vay cho đến nay.

Bà V yêu cầu ông M, bà N trả tiền lãi theo lãi suất do ngân hàng Nhà nước quy định từ ngày vay đến Ny là 350.000.000 đồng. Xét việc thỏa thuận lãi suất không được ghi vào biên bản nhưng được các bên thừa nhận và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên buộc ông M, bà N có trách nhiệm thanh toán cho bà V số tiền 850.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 350.000.000 đồng).

Tại phiên tòa, ông M đề nghị trả thay cho bà N và được bà V chấp nhận. Theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự: "Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý …" Trong trường hợp này, ông M yêu cầu chuyển giao nghĩa vụ thanh toán từ bà N sang ông và được bà V là người có quyền đồng ý, vì vậy Hội đồng xét xử buộc ông M có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 850.000.000 đồng.

[2.3] Về việc thế chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Ông M, bà N có thế chấp cho bà V bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 325511 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 15/12/2007, cập nhật sang tên ông M, bà N ngày 24/3/2008 để đảm bảo việc vay 500.000.000 đồng và hiện Ny bà V đang giữ giấy tờ đất này. Căn cứ theo Điều 10 và Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm thì việc thế chấp tài sản là quyền sử đất để đảm bảo việc vay là giao dịch có bảo đảm, bên thế chấp phải dùng quyền sử dụng đất của mình để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ dân sự với bên nhận thế chấp và phải đăng ký việc thế chấp của mình tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nơi có thửa đất tọa lạc thì giao dịch mới có hiệu lực. Nhưng trong vụ án này các bên đã không tuân thủ các quy định trên về việc thế chấp tài sản, nên việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà các bên đã thực hiện không làm phát sinh về quyền và nghĩa vụ pháp lý đối với tài sản thế chấp. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, các đương sự không yêu cầu xử lý đối với tài sản này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm : Do yêu cầu khởi kiện của bà V được Tòa án chấp nhận, nên ông M phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản tranh chấp là 37.500.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 370 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị V về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Nguyễn Văn M, bà Phạm Thị N.

1. Buộc ông Nguyễn Văn M phải trả cho bà Đặng Thị V số tiền 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng); trong đó tiền gốc là 500.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 26/4/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là 350.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn M phải nộp 37.500.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị V số tiền 24.776.000đ (Hai mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số Tu/2017/0008731 ngày 17/6/2019 của Chi cục thi hành án thành phố Bà Rịa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND thành phố Bà Rịa;
-Chi cục THA DS thành phố Bà Rịa;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung